**MA TRẬN BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ I MÔN SINH HỌC 10**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Dạng thức** | **Ví dụ** | **Năng lực Sinh học** |
| **Nhận thức Sinh học** | **Tìm hiểu TGS** | **Vận dụng kiến thức, kĩ năng** |
| Biết | Hiểu | V. dụng | Hiểu | V. dụng | Hiểu | V. dụng |
| **PHẦN A.TN****1 LC đúng**(18cx0,25đ) | Bài 3 | 3 |  |  | 1 |  |  |  |
| Bài 4 | 2 | 1 |  |  |  |  |  |
| Bài 5 | 2 |  |  |  | 1 |  |  |
| Bài 6 | 3 | 1 | 2 |  |  | 1 | 1 |
| Số câu |  | 10c | 2c | 2c | 1c | 1c | 1c | 1c |
| **PHẦN B.TN 4 LC****Đúng/Sai**(4cx1,0đ) | Bài 3 | 1 |  |  |
| Bài 4 |  |  |  |
| Bài 5 |  | 1 |  |
| Bài 6 |  |  | 2 |
| Số câu/ý |  | 1c/4 ý hỏi | 1c/4 ý hỏi | 2c/8 ý hỏi |
| **PHẦN C. Tự luận**(1c, 6 ý x0,25đ) | Bài 3 |  |  |  |
| Bài 4 |  |  |  |
| Bài 5 |  |  |  |
| Bài 6 | 1 |  |  |
| Số câu |  | 1c |  |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I MÔN SINH HỌC 10**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chương** | **Nội dung** | **Mức độ kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi** |
| **Dạng 1** | **Dạng 2** | **Dạng 3** |
| 1 | **Phần mở đầu** | **Bài 3: Các cấp độ tổ chức của thế giới sống** | **Biết**- Liệt kê được tên các cấp tổ chức của thế giới sống từ thấp đến cao.- Nêu được khái niệm mỗi cấp tổ chức của thế giới sống.- Nêu được khái niệm hệ thống mở.- Nêu được khái niệm tự điều chỉnh.- Trình bày được các đặc điểm chung của các cấp độ tổ chức sống. | **3** | **1** |  |
| **Hiểu**- Phân biệt được cấp độ tổ chức sống.- Giải thích được mối quan hệ giữa các cấp độ tổ chức sống.- Giải thích được tại sao tế bào là đơn vị cơ bản tổ chức nên thế giới sống. | **1** |  |  |
| 2 | **CHƯƠNG 1: THÀNH PHẦN HOA HỌC CỦA TẾ BÀO** | **Bài 4: Khái quát về tế bào** | **Biết**- Nêu được khái quát về nội dung và ý nghĩa của học thuyết tế bào.- Nhận biết được các sinh vật có cấu tạo từ tế bào. | **2** |  |  |
| **Hiểu**- Giải thích được tế bào là đơn vị cấu trúc và chức năng của cơ thể sống. | **1** |  |  |
| 3 |  | **Bài 5: Các nguyên tố hóa học và nước** | **Biết**- Liệt kê được một số nguyên tố hoá học chính có trong tế bào (C, H, O, N, S, P).- Kể được tên (nhận ra) các nguyên tố đại lượng, nguyên tố vi lượng.- Trình bày cấu tạo của phân tử nước, quy định tính chất vật lí, hoá học và Sinh học của nước, từ đó quy định vai trò Sinh học của nước trong tế bào.- Nêu được vai trò của các nguyên tố vi lượng trong tế bào.- Nêu được vai trò của các nguyên tố đa lượng trong tế bào.- Nêu được vai trò quan trọng của nguyên tố carbon trong tế bào (cấu trúc nguyên tử C có thể liên kết với chính nó và nhiều nhóm chức khác nhau). | **2** |  |  |
| **Hiểu**- Giải thích được các câu hỏi liên quan đến vai trò của nước trong tế bào. |  | **1** |  |
| **Vận dụng**- Giải thích được vì sao có một số nguyên tố chỉ chiếm tỉ lệ rất ít nhưng lại không thể thiếu đối với cơ thể sống?- Vì sao trong bữa ăn (người) phải sử dụng đa dạng nguồn thực phẩm.- Ứng dụng trong cách bảo quản rau củ, quả tươi/ khô. | **1** |  |  |
| 4 |  | **Bài 6: Các phân tử sinh học trong tế bào** | **Biết**- Kể được tên một số phân tử sinh học trong tế bào.- Nêu được một số nguồn thực phẩm cung cấp carbohydrate cho cơ thể. - Nêu được một số nguồn thực phẩm cung cấp protein cho cơ thể. - Nêu được một số thành phần trong cơ thể được cấu tạo từ lipid.- Trình bày được đặc điểm chung, thành phần cấu tạo (các nguyên tố hoá học và đơn phân) và vai trò của phân tử sinh học trong tế bào: nucleic acid.- Liệt kê được các nguyên hóa học cấu tạo nên nucleic acid.- Kể được tên 3 thành phần cấu tạo của 1 nucleotide trong DNA và RNA. - Liệt kê được các liên kết có trong cấu tạo của nucleic acid. | **3** |  | **1** |
| **Hiểu**- Phân tích được mối quan hệ giữa cấu tạo và vai trò của các phân tử sinh học.- Giải thích được tính đa dạng và đặc thù của protein. | **2** |  |  |
| **Vận dụng**- So sánh sự khác biệt về cấu trúc và chức năng của DNA và RNA.- Giải thích được các hiện tượng và ứng dụng trong thực tiễn (ví dụ: ăn uống hợp lí; giải thích vì sao thịt lợn, thịt bò cùng là protein nhưng có nhiều đặc điểm khác nhau; giải thích vai trò của DNA trong xác định huyết thuống, truy tìm tội phạm....)- Vận dụng kiến thức nucleic acid vào giải bài tập phân tử. | **3** | **2** |  |
| **Tổng:** | **18** | **4** | **1** |